

THÍ THỰC TIÊN HÀNH

Tháng 8/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

THÍ THỰC TIÊN HÀNH

Soạn dịch: HUYỀN THANH

1_ Trước khi làm Pháp phải chuẩn bị nhóm gạo, nước

a) Gạo (mễ): 7 hạt, phóng ánh sáng đồng thời niệm tên của 7 Đức Như Lai báu.

Nước: dùng nước đun sôi (khai thủy), nước cúng Phật, nước Đại Bi...chẳng được trực tiếp dùng nước do công nghiệp cung cấp (tự lai thủy)

b) Tay phải: ngón vô danh vẽ trong nước 5 chữ Om (ॐ), Ah (ॐ), Hūm (ॐ), Vam (ॐ), Hrīh (ॐ)

2_ Quân Trà Lợi Tiểu Chú (cũng gọi là Tiểu Cúng Đường Chú, tụng 7 lần)

Om_ Amṛte hūm phaṭ

Ấn tay Phải: ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón còn lại. Đây tức Liên Hoa Bộ Tam Cổ Ấn. Khi tụng Chú thời trước tiên úp lòng bàn tay, hướng ngón tay về vật cúng.

Từ bên trong ra bên ngoài, ba lần ngửa bàn lòng bàn tay. Do từ ngoài hướng vào trong 3 lần

Ấn tay trái: ngón cái, ngón trỏ, ngón út bung giữ chén thức ăn. Đều co ngón giữa, ngón vô danh.

Quán niệm: “Ngưỡng thỉnh mười phương Tam Bảo, Từ Bi gia trì nước này gạo này, cho khắp chúng sinh trong Pháp Giới đều được no đủ, đồng sinh Cực Lạc, cùng chúng Bồ Đề”



3_ Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn: (Lại gọi là **Không Quán Chú**, tụng 5 lần)

Om_ svabhāva śuddha sarva dharma svabhāva śuddha-uhaṃ

Ấn: Liên Hoa Hợp Chưởng (lại gọi là Tịnh Tam Nghiệp Ấn)



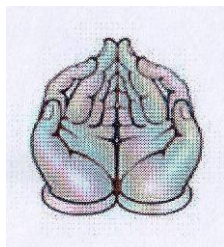
Quán tưởng: “Tất cả Hữu Tình vốn có Bản Tính thanh tịnh, vì bị các khách trần che lấp nên chẳng ngộ chân lý. Nay trì Chú, kết Ấn, tác Quán gia trì cho ta, người khiến trở lại gốc, đều khiến cho thanh tịnh”

Tụng Chân Ngôn 5 biến, đồng thời quán tưởng ấn 5 chỗ (trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng) 5 nơi gia trì thanh tịnh Nội Tâm

4_ Phật Bộ Tam Muội Gia: (một biến)

Om_ Tathāgata udbhavāya svāhā

Ấn: Chắp 2 tay giữa rỗng, mở 2 ngón trở co lại phụ ở lóng trên của 2 ngón giữa, co 2 ngón cái phụ lóng dưới của 2 ngón trở thì thành Ấn

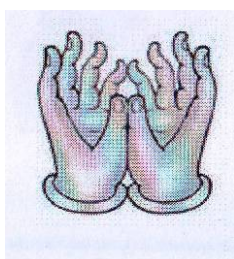


Quán tưởng: Các Tôn của **Phật Bộ** giáng lâm trên đỉnh đầu, gia trì cho Hành Nhân, mau khiến đắc được **Thân Nghiệp** thanh tịnh, tội chướng tiêu trừ, Phước Tuệ tăng trưởng

5_ Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia: (một biến)

Om_ Padma udbhavāya svāhā

Ấn: Chắp 2 tay lại giữa rỗng, mở bung 2 ngón trở, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh rồi co lại như hình hoa sen.

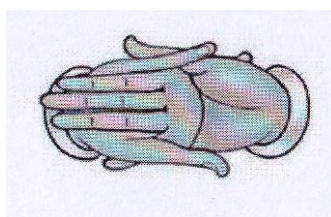


Quán Tưởng: Liên Hoa Bộ Chủ Quán Âm Bồ Tát, các Tôn giáng lâm ở đỉnh đầu bên phải của Hành Nhân (phương bên trên phía phải) gia trì cho Hành Nhân mau đắc được **Khẩu Nghiệp** thanh tịnh, tiêu diệt nghiệp tội, thường làm Bồ Tát chọn làm bạn lành

6_ Kim Cương Bộ Tam Muội Gia: (một biến)

Om_ Vajra udbhavāya svāhā

Ấn: Lật nghiêng bàn tay trái, hướng bàn tay ra ngoài. Đặt lưng bàn tay phải sát lưng bàn tay trái. Đem 2 ngón cái, 2 ngón út trợ móc nhau như hình cái chày Kim Cương.

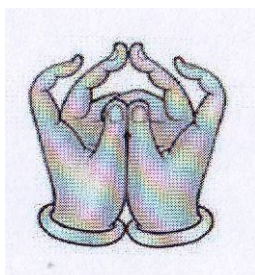


Quán Tướng: Kim Cương Bộ Bồ Tát với tướng tốt, uy quang giáng lâm ở đỉnh đầu bên trái (phương bên trên phía trái) gia trì cho Hành Nhân hay mau đắc được **Ý Nghiệp** thanh tịnh, Tam Muội hiện tiền, chứng Tâm Bồ Đề

7_ Bị Giáp Hộ Thân Chân Ngôn (năm biến)

Om_ Vajra-agni pradiptāya svāhā

Ấn: Hai tay cài chéo nhau bên trong, bên phải đè bên trái. Dựng thẳng 2 ngón giữa, co 2 ngón trở như hình móc câu dùng để dính vào lưng ngón giữa, lấy 2 ngón cái đè 2 ngón vô danh liền thành.



Quán Tướng: Tự thân mặc giáp trụ Kim Cương, sáng rực uy vũ như hình dặc của Vi Đà Bồ Tát. Tụng Chân Ngôn 5 biến đồng thời quán tưởng Ấn 5 nơi (trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng)

CAM LỘ THÍ THỰC NGHI QUỸ

Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ với các Trời, Người... Ý muốn thọ trì Pháp phương tiện này thì cần phải cầu triệu hết mười phương Giới, tất cả sáu nẻo, các Quỷ đói, Thần Chúng... Nên tác niệm này:

Nam mô Phật Đà Gia

Nam mô Đạt Ma Gia

Nam mô Tăng Già Gia

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô An Trụ Đại Đệ Bồ Tát Chúng

Nam mô tất cả Long Thiên Thiện Thân...

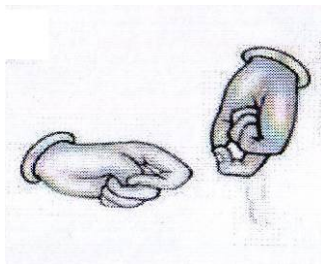
Nguyện dùng uy thần gia bị trợ giúp. Nay con triệu các Quỷ đói với loài hữu tình thuộc sáu nẻo trong các cõi nước ở mười phương, tận hư không giới. Do sức Uy Thần của Tam Bảo cho nên đều đến chỗ của con

(nói xong, hướng mặt về phương Đông, liền tụng **Phổ Triệu Thỉnh Chân Ngôn** bảy biến)

1_ Phá Địa Ngục Chân Ngôn:

Oṃ _cala teja svāhā

Án: Tay trái để ở eo, tay phải hướng xuống dưới búng ngón tay



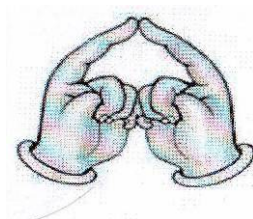
2_ Trí Cự Như Lai Tâm Phá Địa Ngục Chân Ngôn: (3, 7, 14 hoặc 49 biến)

Namo aṣṭa-sītināṃ - samyaksambuddha-koṭīnāṃ_ Oṃ Jñānavabhāsa dhiri dhiri hūṃ

Quán chữ Hriḥ màu hồng



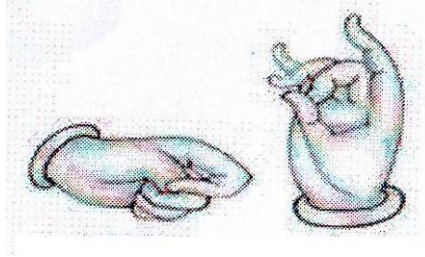
Thủ Án:



3_ Phổ Triệu Thịnh Chân Ngôn: (3 biến hoặc 7 biến)

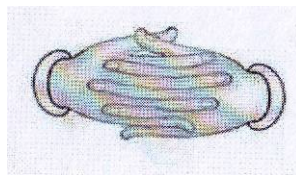
Namo Bhūpurikaritari tathāgatāya

Án: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo lưng, tay phải ngón cái vịn ngón giữa



4_ Giải Oán Kết Chân Ngôn: (3 biến)

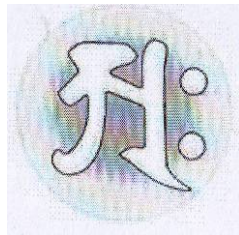
Om Santāra kata svāhā



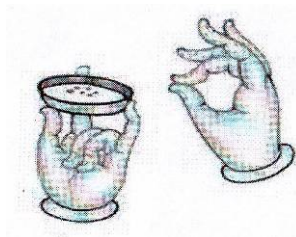
5_ Khai Yết Hầu Chân Ngôn: (3 biến hoặc 7 biến)

Om Bhūputerikatari tathāgatāya

Quán chữ Aḥ màu trắng



Thủ Án:



6_ Địa Tạng Bồ Tát Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn:

Om Pramāṇi dāni svāhā

Quán chữ Hriḥ màu lam



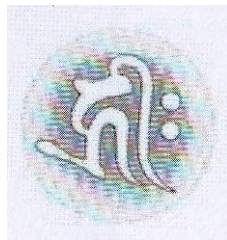
Thủ Ấn:



7_ Quán Thế Âm Bồ Tát Diệt Nghiệp Chướng Chân Ngôn:

Om_Arolik svāhā

Quán chữ Hrīh màu trắng



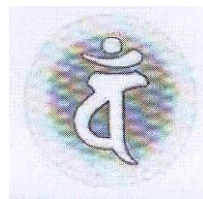
Thủ Ấn:



8_ Tam Muội Gia Giới Chân Ngôn:

Om_Samaya stvaṃ

Quán chữ Vam màu trắng



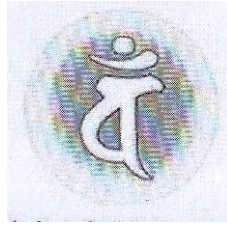
Thủ Ấn:



9_Biến Thực Chân Ngôn: (3 biến hoặc 7 biến)

Namaḥ sarva tathāgata-avalokite_ Om_ sambhāra sambhāra hūṃ

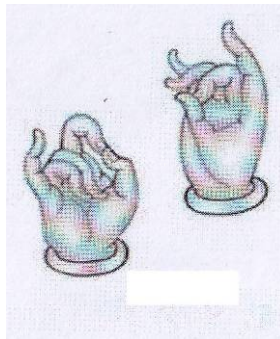
Quán chữ Vam màu trắng



Thủ Ấn:

Tay trái búng chữ Hūṃ

Tay phải thuận thời cân nhắc niệm chuyển

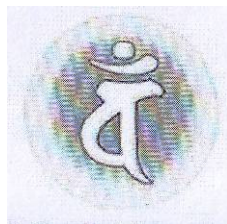


10_Cam Lộ Thủy Chân Ngôn:

Namaḥ Su-rūpaya tathāgatāya

Tadyathā: Om_ suru suru _ prasuru prasuru _ svāhā

Quán chữ Vam màu trắng



Thủ Ấn:



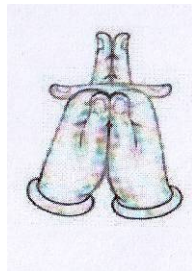
11_Phổ Cúng Đường Chân Ngôn: (3 biến)

Om_Gagana sambhava vajra ho

Quán chữ Om màu trắng



Thủ Ấn:



12_Thí Vô Giá Thực Chân Ngôn: (Ngâm niệm Kệ Ngũ một biến, Chú Ngũ 7 biến)

)Sáng sớm:

Sức Pháp khó nghĩ bàn

Từ Bi không chướng ngại

Bảy hạt trần mười phương

*Cho khắp, vòng **Sa Giới***

Án, độ lợi ích, sa ha

) Giữa trưa:

Đại Bằng Kim Xí Điều

Chúng Quý Thân khoáng dã

La Sát, Quý Tử Mẫu

Đều tràn đầy Cam Lộ

Om_Mulālin svāhā

) Chiều tối:

Các người ! Chúng Quý Thân

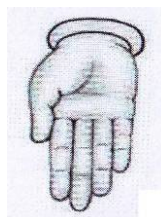
Nay Ta cúng cho người

Thức này tràn mười phương

Mọi Quý Thân cùng hưởng

Om_Mulālin svāhā

Thủ Ấn: Tay phải phóng ánh sáng



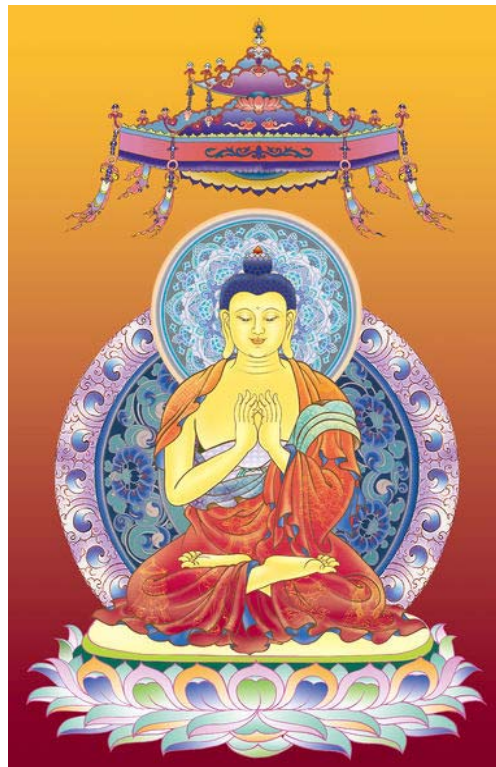
13_ Hư Không Tạng Chú:
Nam mô Hư Không Tạng Bồ Tát (3 lần)
**Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Sarvathā khaṃ udgate sphara hīmaṃ
gaganakaṃ svāhā**
Quán chữ Om màu trắng



14_ Bất Động Phật Tâm Chú: (Đà La Ni Chú tịnh trừ tất cả nghiệp chướng)
Namo ratna-trayāya
**Om_ Kaṃkani kaṃkani, rocana rocana, troḍāni troḍāni, trasani trasani,
pratihana pratihana, sarva karma paraṃ parani me sarva-satvānāṃca svāhā**
Quán chữ Hūṃ màu lam



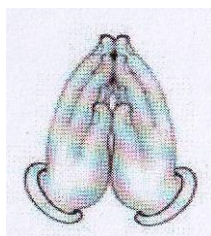
15_ Danh hiệu của bảy Đức Phật Như Lai:
) Nam mô **Đa Bảo Như Lai** (Prabhūta-ratnāya-tathāgatāya)



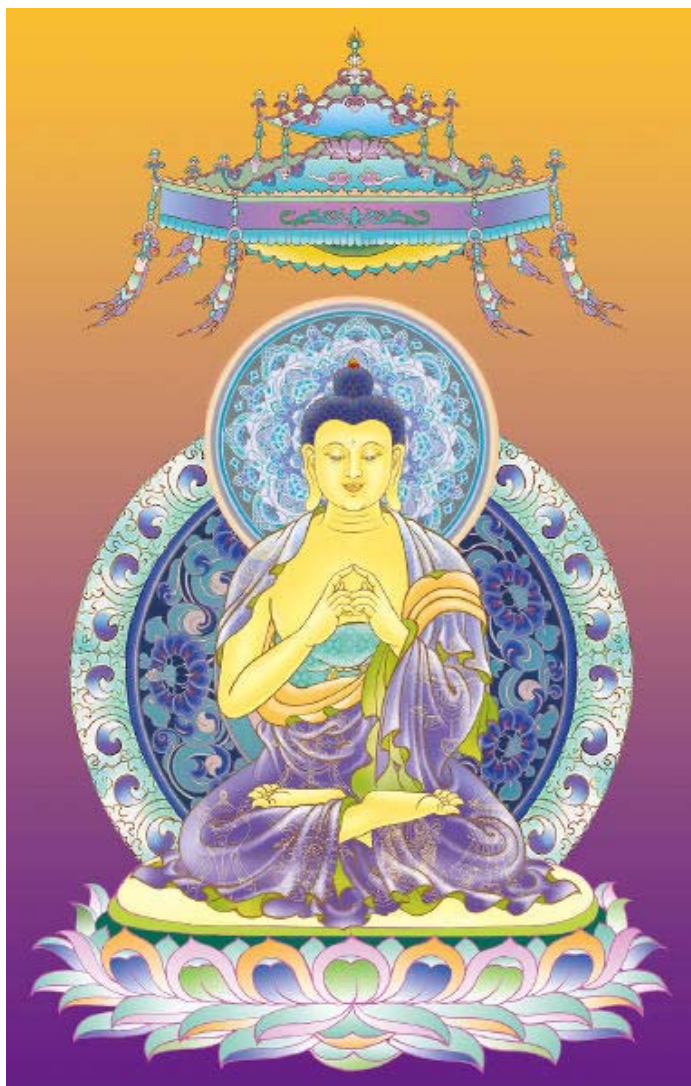
Quán chữ A màu vàng



Thủ Ấn :



.) Nam mô **Bảo Thắng Như Lai** (Ratna-dharāya-tathāgatāya)



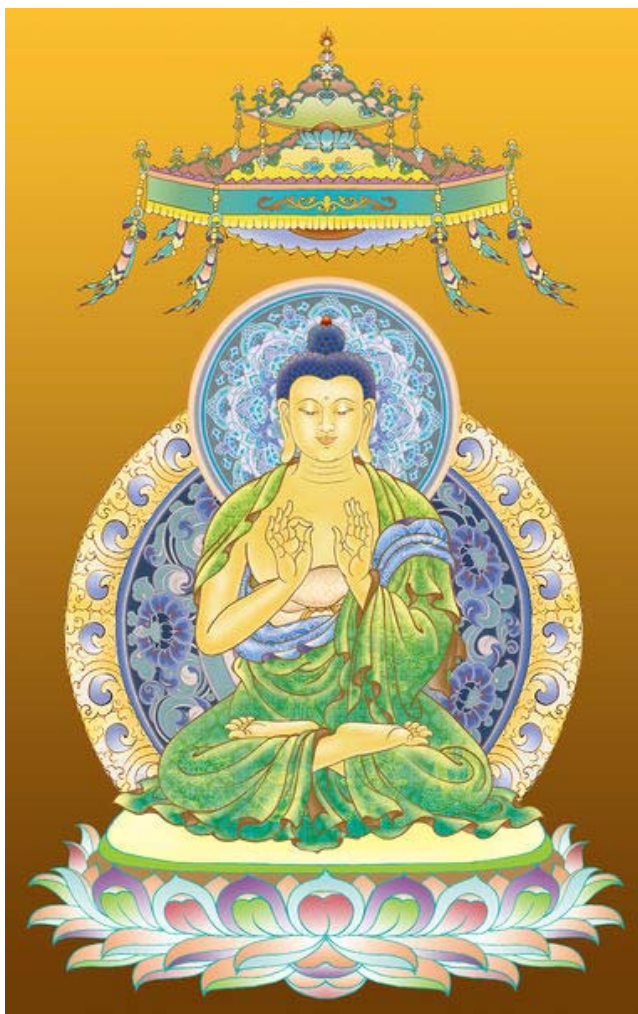
Quán chữ Trāḥ màu vàng



Thủ Ấn :



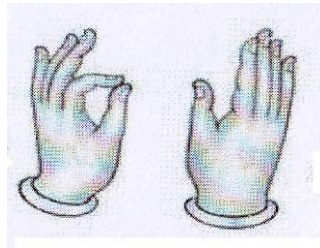
.) Nam mô **Diệu Sắc Thân Như Lai (Su-rūpaya-tathāgatāya)**



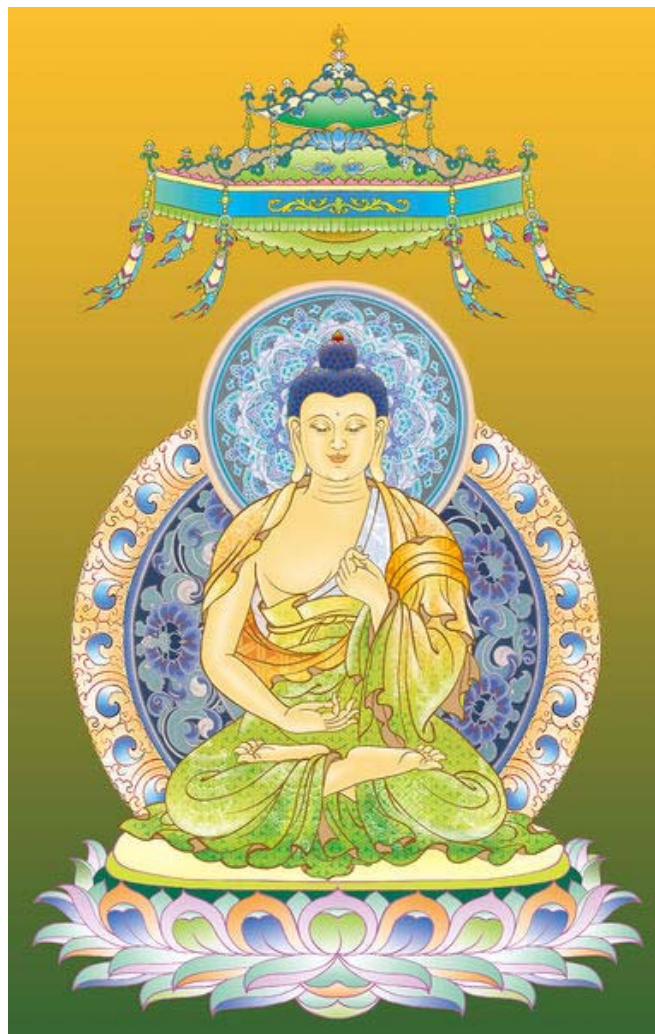
Quán chữ Hūm màu hồng



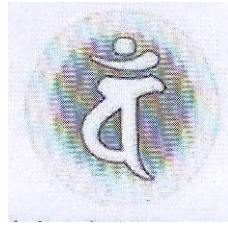
Thủ Ấn :



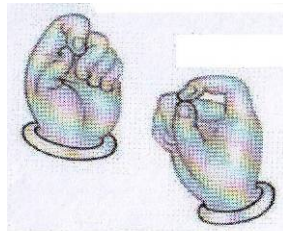
.) Nam mô **Quảng Bác Thân Như Lai** (Vipula-gatrāya-tathāgatāya)



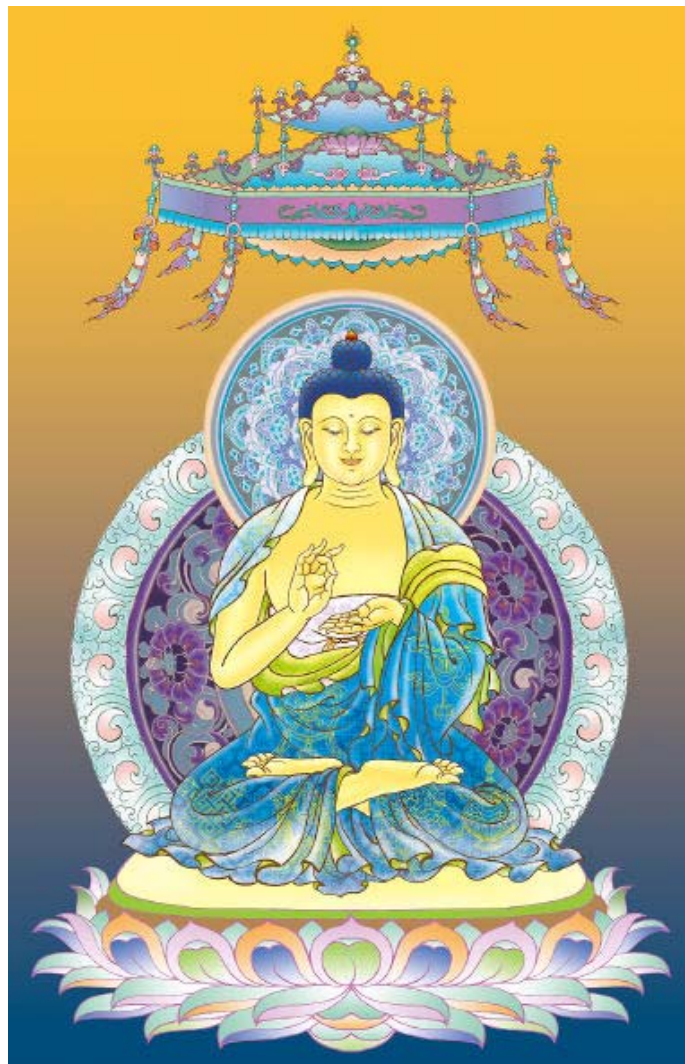
Quán chữ Vạ màu trắng



Thủ Ấn:



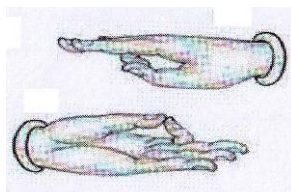
.)Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai (Abhayaṃ-karāya-tathāgatāya)



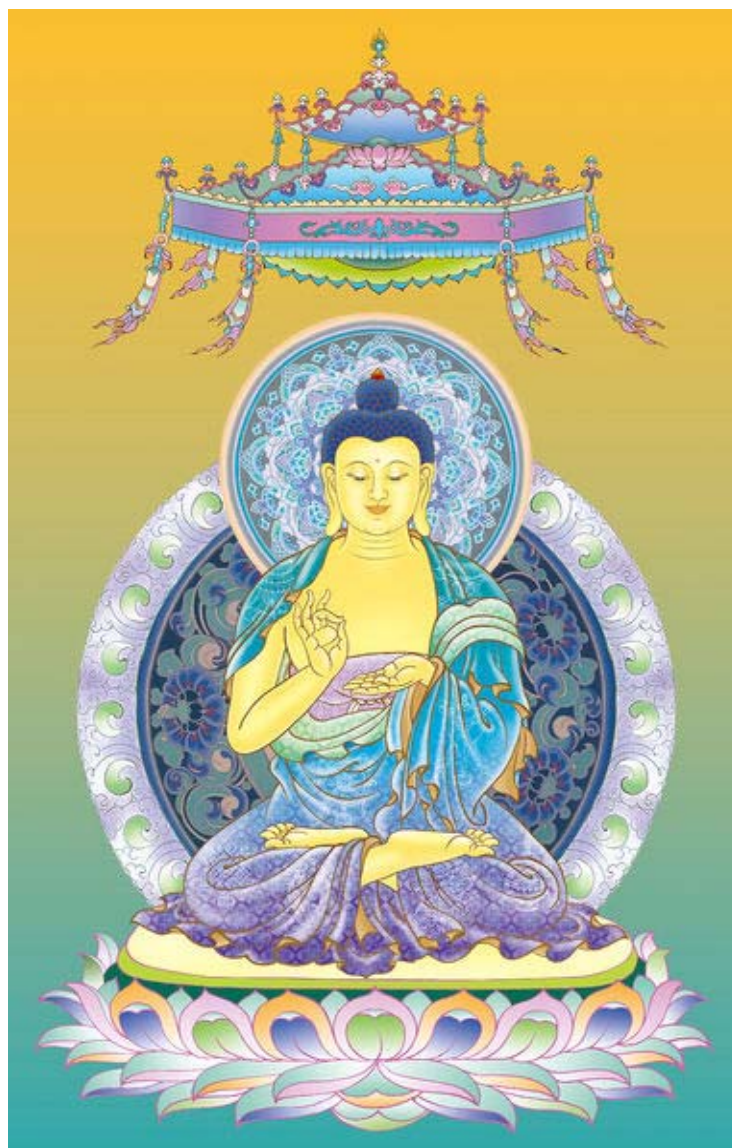
Quán chữ Aḥ màu đen



Thủ Ấn :



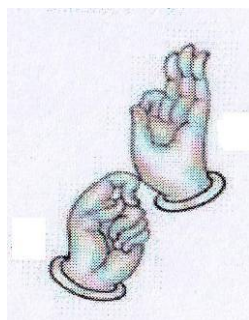
.) Nam mô **Cam Lộ Vương Như Lai** (Amṛta-rajāya-tathāgatāya)



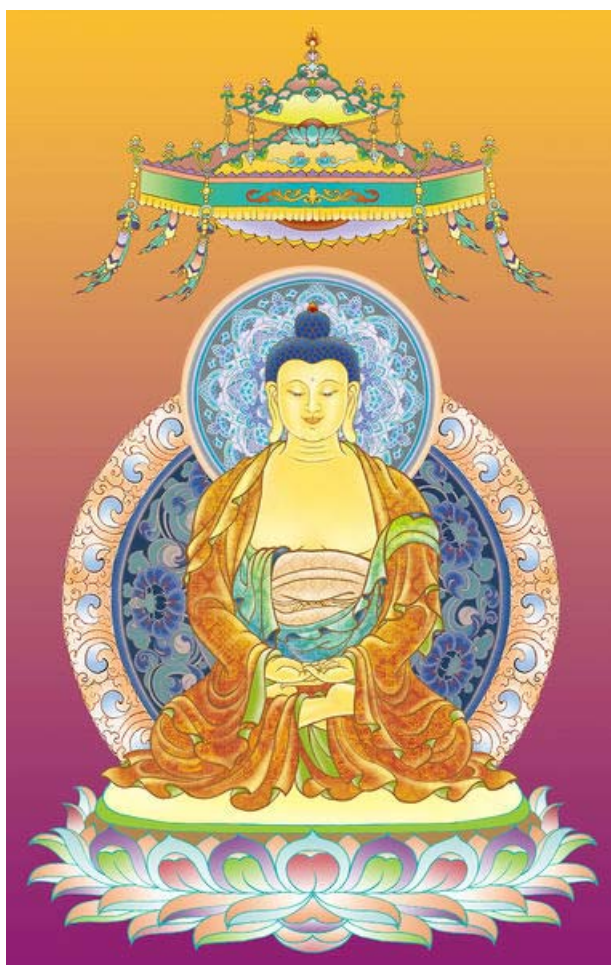
Quán chữ Hríḥ màu lam



Thủ Ấn :



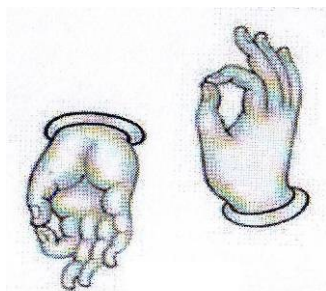
.) Nam mô **A Di Đà Như Lai** (Amitābhāya-tathāgatāya)



Quán chữ Hrīh màu hồng



Thủ Ấn :



16_ Hồi Hướng Kệ :
Nguyên sinh trong cõi Tịnh phương Tây
Hoa sen chín Phẩm làm cha mẹ
Hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sinh
Bồ Tát **Bất Thoái** làm bạn lữ

17_ Viên Mãn Phụng Tống Chú :
Oṃ_ Vajra-mokṣa muḥ

Hết

16/05/2013